

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KIÊN HÙNG**

Số: *KHS-COM-OD34/2021*
V/v công bố giải trình báo cáo tài chính hợp
nhất quý III năm 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 19 tháng 10 năm 2021

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

- Mã chứng khoán: KHS

- Địa chỉ: Lô B4-B5, đường số 1, Khu Công nghiệp Thanh Lộc, xã Thanh Lộc,
Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

- Điện thoại liên hệ: 02973 912 128 Fax: 02973 912 988

- E-mail: info@kihuseavn.com

- Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Ngọc Anh**

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

- Giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2021.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/10/2021
tại đường dẫn: www.kihuseavn.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

*Giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm
2021*

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người UQ CBTT



Nguyễn Ngọc Anh

CTY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 11/2021/KH-CBTT

Kiên Giang, ngày 19 tháng 10 năm 2021

V/v: Giải trình về kết quả kinh doanh theo
BCTC hợp nhất Quý 3/2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hà Nội

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**
- Mã chứng khoán: **KHS**
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B4 - B5, đường số 1, KCN Thanh Lộc, Xã Thanh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Điện thoại: (0297) 3838009 Fax:
- Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN NGỌC ANH**
- Điện thoại (cơ quan): (0297) 3838009 Fax:
- Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Giải trình về số liệu kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2021, chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ. Cụ thể như sau:

Bảng so sánh lợi nhuận hợp nhất Quý 3 năm 2021 và Quý 3 năm 2020:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
		Quý 3/2021	Quý 3/2020		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	192,350,149,614	295,076,759,650	(102,726,610,036)	(34.81)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	285,893,858	4,091,242,110	(3,805,348,252)	(93.01)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	192,064,255,756	290,985,517,540	(98,921,261,784)	(34.00)
4. Giá vốn hàng bán	11	168,313,993,428	268,462,591,342	(100,148,597,914)	(37.30)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	23,750,262,328	22,522,926,198	1,227,336,130	5.45
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,638,043,988	1,440,698,257	197,345,731	13.70
7. Chi phí tài chính	22	3,816,062,646	7,018,265,295	(3,202,202,649)	(45.63)
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23	3,772,579,396	6,930,456,074	(3,157,876,678)	(45.57)
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	-	-	

9. Chi phí bán hàng	25	7,266,582,271	6,516,141,700	750,440,571	11.52
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4,982,643,345	6,625,301,288	(1,642,657,943)	(24.79)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	9,323,018,054	3,803,916,172	5,519,101,882	145.09
12. Thu nhập khác	31	19,676,364	-	19,676,364	100.00
13. Chi phí khác	32	1,352,340,385	9,007	1,352,331,378	
14. Lợi nhuận khác	40	(1,332,664,021)	(9,007)	(1,332,655,014)	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	7,990,354,033	3,803,907,165	4,186,446,868	110.06
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24,768,249	24,768,249	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(24,768,249)	(24,768,249)	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	7,990,354,033	3,803,907,165	4,186,446,868	110.06
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	10,013,719,876	6,055,433,336	3,958,286,540	65.37
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(2,023,365,843)	(2,251,526,171)	228,160,328	10.13
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	745	451	294	65.19
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	745	451	294	65.19

Lợi nhuận sau thuế của Quý 3 năm 2021 theo BCTC hợp nhất của Công ty mẹ tăng 65.37 % so với cùng kỳ năm 2020.

- Lợi nhuận riêng của công ty mẹ tăng 19.23 % so với cùng kỳ năm 2020, (xem Giải trình về số liệu kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng Quý 3 năm 2021)
- Công ty con (Công ty TNHH Thủy Sản Aoki)

Nguyên nhân lỗ của công ty con:

- Từ ngày 19/07/2021, Công Ty Aoki tạm ngưng sản xuất theo quyết định số 1777/QĐ ngày 18/07/2021 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang về việc thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16/CT-TTg của Chính Phủ.
- Từ ngày 11/08/2021, địa bàn nơi Aoki hoạt động bị phong tỏa do dịch bệnh Covid 19 bùng phát và đến ngày 27/09/2021 thì Công Ty mới được tổ chức sản xuất lại.

Việc tạm ngưng sản xuất trong thời gian dài đã gây nhiều thiệt hại to lớn cho Công Ty như :

- + Công Ty phải gánh chi phí rất lớn như khấu hao, phân bổ, điện, lãi vay... cho những tháng không sản xuất.

+ Do không thể hoạt động được nên doanh thu sụt giảm nghiêm trọng cụ thể giảm 67% so với cùng kỳ năm trước. Khả năng mất khách hàng rất cao ảnh hưởng đến uy tín của Công Ty. Các chi phí như bán hàng, quản lý doanh nghiệp cũng giảm theo tình trạng không hoạt động của công ty.

Dưới đây là thông tin chi tiết về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 3 năm 2021 của công ty con – Công ty TNHH Thủy sản Aoki:

Chi tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
		Quý 3/2021	Quý 3/2020		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	29,259,274,409	89,128,678,416	(59,869,404,007)	(67.17)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	280,962,528	1,768,316,000	(1,487,353,472)	(84.11)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	28,978,311,881	87,360,362,416	(58,382,050,535)	(66.83)
4. Giá vốn hàng bán	11	28,709,108,140	85,777,895,519	(57,068,787,379)	(66.53)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20	269,203,741	1,582,466,897	(1,313,263,156)	(82.99)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	276,541,326	575,736,326	(299,195,000)	(51.97)
7. Chi phí tài chính	22	839,627,223	1,344,007,352	(504,380,129)	(37.53)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	830,568,973	1,270,811,092	(440,242,119)	(34.64)
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			-	
9. Chi phí bán hàng	25	1,508,943,845	3,520,134,890	(2,011,191,045)	(57.13)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	989,606,207	1,889,003,344	(899,397,137)	(47.61)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)}	30	(2,792,432,208)	(4,594,942,363)	1,802,510,155	39.23
12. Thu nhập khác	31	15,454,546		15,454,546	100.00
13. Chi phí khác	32	1,352,340,385	9,007	1,352,331,378	
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	(1,336,885,839)	(9,007)	(1,336,876,832)	

15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	(4,129,318,047)	(4,594,951,370)	465,633,323	10.13
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60	(4,129,318,047)	(4,594,951,370)	465,633,323	10.13

Trên đây là nội dung giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Kiên Hùng về các nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh trong Quý 3 năm 2021 tăng so với cùng kỳ năm 2020.

Thông tin trên được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://www.kihuseavn.com/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



NGUYỄN NGỌC ANH